

Số: 01/QĐ-THPTATHĐ

Nam Định, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT A TRẦN HƯNG ĐẠO

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình;

Theo đề nghị của Tổ Văn phòng (Bộ phận kế toán) nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết định số 1839/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ Văn phòng, Bộ phận kế toán, các cá nhân và các bộ phận có liên quan thuộc và trực thuộc nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Đăng website trường;
- Lưu: VT, KT



Nguyễn Duy Phương

Số: 1839/QĐ-SGDĐT

Ninh Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị
sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Công văn số 16/UBND-VP5 ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính năm 2025 và giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 6816/STC-HCSN ngày 16/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị dự toán cấp I;

Căn cứ ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 7581/STC-HCSN ngày 29/12/2025 về việc phương án phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho 115 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định nêu trên, thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định. Trường

hợp có thay đổi về mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, kịp thời báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN nơi giao dịch;
- Các Đ/c PGĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu VT, TC.



Nguyễn Tiến Dũng



PHỤ LỤC

Quyết định giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 1839/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025

của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định (Kinh phí giao tự chủ tài chính, không bao gồm hỗ trợ học phí)
I	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
1	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	10,3%	36.991
2	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	10,7%	20.391
3	Trường THPT B Trần Hưng Đạo	10,4%	19.647
4	Trường THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	12,0%	17.592
5	Trường THPT Hoa Lư A	10,3%	19.521
6	Trường THPT Gia Viễn A	11,2%	15.459
7	Trường THPT Gia Viễn B	11,0%	16.037
8	Trường THPT Gia Viễn C	12,1%	11.378
9	Trường THPT Nho Quan A	11,2%	17.410
10	Trường THPT Nho Quan B	10,4%	18.742
11	Trường THPT Nho Quan C	12,3%	13.833
12	Trường THPT A Nguyễn Huệ	11,8%	18.117
13	Trường THPT Ngô Thị Nhậm	10,1%	13.027
14	Trường THPT Yên Mô A	10,6%	16.556
15	Trường THPT Yên Mô B	10,4%	16.725
16	Trường THPT Tạ Uyên	10,1%	11.567
17	Trường THPT Kim Sơn A	11,7%	17.621
18	Trường THPT Kim Sơn B	12,4%	16.770
19	Trường THPT Kim Sơn C	12,4%	11.994
20	Trường THPT Bình Minh	12,4%	13.766
21	Trường THPT Yên Khánh A	11,3%	18.913
22	Trường THPT Yên Khánh B	11,0%	17.131
23	Trường THPT Vũ Duy Thanh	11,6%	14.673
24	Trường THPT A Bình Lục	10,0%	15.183
25	Trường THPT B Bình Lục	10,9%	14.080
26	Trường THPT C Bình Lục	10,1%	14.898
27	Trường THPT A Duy Tiên	12,6%	14.234
28	Trường THPT B Duy Tiên	12,4%	14.520
29	Trường THPT chuyên Biên Hòa	10,1%	28.428
30	Trường THPT A Kim Bảng	10,9%	13.098
31	Trường THPT B Kim Bảng	11,4%	15.181
32	Trường THPT C Kim Bảng	11,8%	13.057
33	Trường THPT Lý Thường Kiệt	11,0%	12.110
34	Trường THPT Bắc Lý	10,7%	13.044
35	Trường THPT Nam Lý	11,4%	12.323
36	Trường THPT Lý Nhân	10,5%	20.042
37	Trường THPT A Thanh Liêm	10,1%	15.245
38	Trường THPT B Thanh Liêm	10,3%	13.566
39	Trường THPT C Thanh Liêm	10,8%	11.106



STT	Tên đơn vị	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định (Kinh phí giao tự chủ tài chính, không bao gồm hỗ trợ học phí)
40	Trường THPT A Phú Lý	11,3%	18.008
41	Trường THPT B Phú Lý	11,7%	18.051
42	Trường THPT C Phú Lý	11,3%	9.811
43	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	10,5%	9.247
44	Trường THPT Nam Cao	11,8%	8.775
45	Trường THPT A Nguyễn Khuyến	11,2%	9.132
46	Trường THPT Lê Hoàn	11,9%	8.639
47	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	11,1%	40.619
48	Trường THPT A Trần Hưng Đạo	10,7%	19.280
49	Trường THPT B Nguyễn Khuyến	12,2%	18.250
50	Trường THPT Ngô Quyền	11,0%	18.563
51	Trường THPT B Nguyễn Huệ	10,8%	14.338
52	Trường THPT Mỹ Lộc	12,3%	17.168
53	Trường THPT Trần Văn Lan	11,0%	12.897
54	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	10,7%	16.485
55	Trường THPT Lương Thê Vinh	10,4%	13.460
56	Trường THPT Nguyễn Bính	11,3%	10.867
57	Trường THPT Nguyễn Đức Thuận	10,1%	11.584
58	Trường THPT Tổng Văn Trân	11,0%	18.511
59	Trường THPT Mỹ Tho	12,2%	17.503
60	Trường THPT Phạm Văn Nghị	10,9%	17.064
61	Trường THPT Đại An	10,7%	11.836
62	Trường THPT Đỗ Huy Liêu	13,0%	9.314
63	Trường THPT Lý Nhân Tông	12,1%	9.600
64	Trường THPT A Nghĩa Hưng	10,5%	19.932
65	Trường THPT B Nghĩa Hưng	10,5%	16.238
66	Trường THPT C Nghĩa Hưng	11,1%	16.228
67	Trường THPT Nghĩa Minh	10,5%	9.430
68	Trường THPT Trần Nhân Tông	10,1%	9.572
69	Trường THPT Lý Tự Trọng	11,2%	16.328
70	Trường THPT Nam Trực	11,2%	18.031
71	Trường THPT Nguyễn Du	10,7%	12.584
72	Trường THPT Trần Văn Bảo	12,0%	12.701
73	Trường THPT Trực Ninh	11,9%	18.615
74	Trường THPT Trực Ninh B	10,7%	15.142
75	Trường THPT Nguyễn Trãi	10,4%	12.841
76	Trường THPT Lê Quý Đôn	10,8%	14.081
77	Trường THPT A Hải Hậu	11,5%	18.831
78	Trường THPT B Hải Hậu	12,8%	14.212
79	Trường THPT C Hải Hậu	11,3%	16.730
80	Trường THPT Thịnh Long	10,9%	11.593
81	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	10,6%	12.717
82	Trường THPT An Phúc	11,9%	10.240
83	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	12,1%	11.586
84	Trường THPT Xuân Trường	10,6%	18.841
85	Trường THPT Xuân Trường B	10,7%	19.101
86	Trường THPT Xuân Trường C	10,3%	12.631

STT	Tên đơn vị	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định (Kinh phí giao tự chủ tài chính, không bao gồm hỗ trợ học phí)
87	Trường THPT Nguyễn Trường Thụ	10,3%	12.553
88	Trường THPT Giao Thủy	10,1%	20.398
89	Trường THPT Giao Thủy B	10,5%	18.468
90	Trường THPT Giao Thủy C	10,7%	14.869
91	Trường THPT Quất Lâm	10,3%	12.054
92	Trung tâm GDNN-GDTX Nho Quan	15,8%	2.460
93	Trung tâm GDNN-GDTX Gia Viễn	21,5%	2.994
94	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Sơn	17,4%	3.491
95	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Khánh	19,3%	3.561
96	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mô	18,3%	3.352
97	Trung tâm GDNN-GDTX Tam Điệp	10,5%	3.819
98	Trung tâm GDTX, TH và NN Ninh Bình	12,1%	16.207
99	Trường TC KT - KT và DL Ninh Bình	28,5%	2.250
100	Trung tâm GDTX-HN Phú Lý	10,6%	4.584
101	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Lục	20,3%	3.008
102	Trung tâm GDNN-GDTX Duy Tiên	24,7%	4.317
103	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Bảng	26,3%	4.336
104	Trung tâm GDNN-GDTX Lý Nhân	24,4%	4.517
105	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Liêm	23,5%	3.204
106	Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định	17,3%	22.153
107	Trung tâm GDNN-GDTX Ý Yên	13,6%	3.792
108	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Trực	12,4%	7.440
109	Trung tâm GDNN-GDTX Vụ Bản	12,6%	4.722
110	Trung tâm GDNN-GDTX Trực Ninh	17,4%	4.130
111	Trung tâm GDNN-GDTX Giao Thủy	17,4%	3.963
112	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Hậu	15,6%	6.400
113	Trung tâm GDNN-GDTX Xuân Trường	13,9%	5.512
114	Trung tâm GDNN-GDTX Nghĩa Hưng	21,6%	6.204
II	Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 4)		
1	Trường THPT Dân tộc Nội trú	5,0%	10.865